

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày 28/8/2020
(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nh1, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà x, ngõ xy/yz Phố TM, phường Đ, Quận H, thành phố H1.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Nh2, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã TP, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 7 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Nh1 trình bày:

Do có quan hệ thân quen, người cùng quê nên từ trong các ngày 07/01/2020 và ngày 04/3/2020, chị Nh1 có chuyển khoản qua ngân hàng cho chị Đỗ Thị Nh2, sinh năm 1977, có địa chỉ tại thôn R, xã TP, huyện T1, tỉnh Thái Bình vay tổng số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), trong đó: Ngày 07/01/2020, chị chuyển khoản qua ngân hàng cho chị Nh2 vay là 200.000.000 đồng (chuyển khoản 210.000.000 đồng trong đó chuyển cho mẹ chị 10.000.000 đồng), thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 04/3/2020 chị chuyển khoản ngân hàng cho chị Nh2 vay số tiền 500.000.000 đồng, vay trong 02 tháng, lãi suất 2,5%/tháng, nguồn gốc số tiền này là do tiết kiệm của của chị và người quen. Cả hai khoản vay trên được chị Đỗ Thị Nh2 đưa vào xác nhận vay ngày 27/4/2020. Chị Nh2 mới thanh toán cho chị Nh1 21.500.000 đồng tiền lãi của cả 02 khoản vay (9.000.000 đồng của khoản vay 200.000.000 đồng và 12.500.000 đồng của khoản vay 500.000.000 đồng), từ tháng 5/2020 đến nay, chị Nh2 không thanh toán tiền gốc và lãi cho chị. Do chị Nh2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán

khoản vay 500.000.000 đồng và tiền lãi của cả hai khoản vay nên chị Nh1 khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án buộc chị Nh2 phải thanh toán cho chị cả hai khoản vay là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Chị Nh1 không yêu cầu chị Nh2 phải thanh toán tiền lãi của các khoản vay từ tháng 5/2020 đến khi Tòa án xét xử.

Theo chị Nh1, chị cho chị Nh2 vay tiền, anh Phạm Văn Tr là chồng chị Nh2 có biết có biết hay không chị không được biết; trong giấy xác nhận nợ ngày 27/4/2020 chỉ có chữ ký của chị Đỗ Thị Nh2.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Đỗ Thị Nh2 trình bày:

Chị có vay của chị Đỗ Thị Nh1, sinh năm 1985; có địa chỉ tại số nhà x, ngõ xy/yz Phố TM, phường Đ, Quận H, thành phố H1 số tiền tính đến ngày xét xử 28/8/2020 là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Trong đó ngày 07/01/2020, chị Nh1 chuyển khoản qua ngân hàng cho chị vay là 200.000.000 đồng (chuyển khoản 210.000.000đ trong đó nhờ chuyển cho mẹ chị Nh1 10.000.000đồng), thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 04/3/2020 chị Nh1 chuyển khoản ngân hàng cho chị vay số tiền 500.000.000 đồng, vay trong 02 tháng, lãi suất 2,5%/tháng. Chị Nh2 mới thanh toán được cho chị Nh1 21.500.000 đồng tiền lãi của cả 02 khoản vay; từ tháng 5/2020 chị chưa trả được nợ gốc và lãi cho chị Nh1. Nay chị Nh1 có đơn yêu cầu chị trả nợ gốc 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), không yêu cầu chị phải thanh toán tiền lãi của các khoản vay từ tháng 5/2020 đến khi Tòa án xét xử, chị Nh2 đồng ý. Theo chị Nh2, mặc dù khoản vay 200.000.000 đồng chưa đến hạn, song chị đồng ý với yêu cầu của chị Nh1 về việc yêu cầu thanh toán cả hai khoản vay là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Theo chị Nh2, do chị cho người khác vay lại (chị Đỗ Thị Th H, Thủ quỹ Ngân hàng N Chi nhánh C), đến nay chị Hà không có khả năng trả cho chị (hiện không có mặt tại địa phương) nên chị chưa có tiền trả ngay cho chị Nh1. Chị Nh2 cam kết sẽ đi làm và trả nợ dần cho chị Nh1. Bên cạnh đó, chị cũng sẽ tìm mọi cách để đòi lại số tiền chị cho vay để thanh toán cho chị Nh1 trong thời gian sớm nhất.

Theo chị Nh2, việc chị vay tiền của chị Đỗ Thị Nh1, chồng chị là Phạm Văn Tr không biết. Chị là người vay tiền để kinh doanh và cho vay đáo hạn ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Theo chị Đỗ Thị Nh1 trình bày chị có cho chị Đỗ Thị Nh2 vay tiền 02 lần tính đến ngày khởi kiện 14/7/2020 là 700.000.000 đồng tiền gốc, gồm hai khoản vay 200.000.000 đồng và 500.000.000 đồng. Do chị Nh2 không trả số tiền vay thời hạn 02 tháng là 500.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 5/2020 của cả hai khoản vay nên chị yêu cầu Tòa án buộc anh chị Nh2 phải trả cho chị số tiền gốc nêu trên. Chị Nh2 đồng ý về việc có vay của chị Nh1 số tiền gốc là 700.000.000 đồng, tuy khoản vay 200.000.000 đồng chưa đến hạn song chị đồng ý với yêu cầu của chị Nh1 về việc yêu cầu thanh toán cả hai khoản

vay là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Do vậy có đủ căn cứ để xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Mặc dù nguyên đơn và bị đơn đều đã thống nhất được với nhau về số tiền gốc đã vay, tuy nhiên không thống nhất được với nhau về phương án trả nợ, do vậy Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

2. Về nội dung: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Nh1 xuất trình xác nhận vay ngày 27/4/2020 của chị Đỗ Thị Nh2. Tại xác nhận vay thể hiện chị Nh2 có vay của chị Nh1 700.000.000 đồng, trong đó lần 01 ngày 07/01/2020, vay 200.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/01 tháng, thời hạn vay 01 năm; lần 02 ngày 04/3/2020, vay 500.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/01 tháng, thời hạn vay 02 tháng. Đến thời điểm xét xử, chị Nh2 còn nợ chị Nh1 số tiền gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Như vậy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn đã được thể hiện tại xác nhận vay ngày 27/4/2020, bị đơn cũng thừa nhận đã vay của nguyên đơn số tiền như trong xác nhận vay ngày 27/4/2020 nên khẳng định việc bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) là có thật. Đến thời điểm xét xử, chị Nh2 vẫn còn nợ chị Nh1 700.000.000 đồng tiền gốc.

Việc chị Nh2 vay tiền chị Nh1, chị Nh1 xác định không biết anh Tranh có biết không; chị Nh2 xác định anh Tranh không biết, chị vay riêng của chị Nh1 nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định là vay chung của vợ chồng chị Nh2. Do vậy, xác định đây là việc vay riêng của chị Nh2. Chị Nh2 vay tiền nhằm mục đích để kinh doanh và cho vay đảo hạn ngân hàng.

Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Sau khi bị đơn vay tiền, bị đơn đã trả lãi song từ tháng 5/2020, bị đơn không trả được lãi và trả gốc số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng. Nguyên đơn đã đòi nợ nhưng bị đơn không trả được tiền và lãi suất nên nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nguyên đơn số tiền gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Chị Đỗ Thị Nh2 đã thừa nhận tổng số tiền gốc vay của Đỗ Thị Nh1 là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); mặc dù khoản vay 200.000.000 đồng chưa đến hạn song chị Nh2 đồng ý với yêu cầu của chị Nh1 về việc yêu cầu Tòa án buộc chị thanh toán cả hai khoản vay là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Do vậy, cần áp dụng các quy định tại Điều 463; khoản 1, khoản 2 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) gồm 20.000.000 đồng đối với mức tiền

400.000.000.000 đồng và 4% giá trị vượt quá 400.000.000.000 đồng là 12.000.000 đồng. Chị Đỗ Thị Nh2 là công nhân, do đại dịch COVID, đang thất nghiệp, gia đình gặp rủi ro trong làm ăn dẫn đến mất hết tài sản, thuộc trường hợp gặp sự kiện bất khả kháng, không có tài sản để nộp án phí; có đơn đề nghị và xác nhận của UBND xã TP, huyện T1 nên được giảm 50% án phí. Do vậy, chị Đỗ Thị Nh2 phải chịu 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí; trả lại cho nguyên đơn số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009626 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463; khoản 1, khoản 2 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 13; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.**

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Đỗ Thị Nh1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà x, ngõ xy/yz Phố TM, phường Đ, Quận H, thành phố H1.

Buộc chị Đỗ Thị Nh2, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn R, xã TP, huyện T1, tỉnh Thái Bình có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Đỗ Thị Nh1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà x, ngõ xy/yz Phố TM, phường Đ, Quận H, thành phố H1 tổng số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Bị đơn là chị Đỗ Thị Nh2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn là chị Đỗ Thị Nh1 số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009626 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/8/2020./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền